

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LIÊU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS-ST
Ngày 04/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LIÊU, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lô Đức Thuận

2. Bà Ngô Thị Say

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2020/TLST-HS, ngày 06 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nông Văn N (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05/4/1985, tại huyện B, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Xuân C, sinh năm 1948 (chết năm 2020) và bà Hoàng Thị H, sinh năm: 1950; Có vợ là Hoàng Thị Minh Ng, sinh năm 1997; Có 03 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 24/9/2019, tạm giữ đến ngày 03/10/2019 chuyển tạm giam, ngày 22/10/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú (*Có mặt tại phiên tòa*).

2. Lương Thanh C (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20/6/1989, tại huyện B, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Nhật S, sinh năm 1951 và bà Lý Thị K, sinh năm: 1957; Có vợ Hoàng Thị Th, sinh

năm 1995; Có 01 con sinh năm 2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 24/9/2019, tạm giữ đến ngày 03/10/2019 chuyển tạm giam, ngày 22/10/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú (*Có mặt tại phiên tòa*).

3. Trần Văn M (tên gọi khác: Không), sinh ngày 10/7/1991, tại huyện B, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Sán Chỉ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần A L, sinh năm 1969 và bà Trần Thị Tr, sinh năm: 1967; Có vợ Ninh Thị Ng, sinh năm 1994; Có 01 con sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 24/9/2019, tạm giữ đến ngày 03/10/2019 chuyển tạm giam, ngày 22/10/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú (*Có mặt tại phiên tòa*).

4. La A S (tên gọi khác: Không), sinh ngày 08/8/2000, tại huyện B, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Sán Chỉ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông La Văn T, sinh năm 1975 và bà Trần Thị S, sinh năm: 1973; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tự thú ngày 24/9/2019, tạm giữ đến ngày 03/10/2019 chuyển tạm giam, ngày 22/10/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú (*Có mặt tại phiên tòa*).

5. Ninh A L (tên gọi khác: A S), sinh ngày 21/3/1991, tại huyện B, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Thôn Kh, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Sán Chỉ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ninh Văn B, sinh năm 1968 và bà Trần Thị Ng, sinh năm: 1968; Có vợ Đặng Thị Ch, sinh năm 1991; Có 04 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 15/10/2019, tạm giữ đến ngày 18/10/2019 chuyển tạm giam, ngày 11/11/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú (*Có mặt tại phiên tòa*).

6. Phan Thị L (tên gọi khác: Không), sinh ngày 21/11/1975, tại huyện B, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Thôn L, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Thế Ng (đã chết) và bà Lý Thị N (đã chết); Có chồng Hoàng Toàn Th (đã chết); Có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2003; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 25/9/2019, tạm giữ đến ngày 04/10/2019 chuyển tạm giam, ngày 22/10/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú (*Có mặt tại phiên tòa*).

7. Vi Thị L (tên gọi khác: Không), sinh ngày 27/9/1971, tại huyện B, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Quảng L, sinh năm 1935 và bà Lô Thị D, sinh năm 1938; Có chồng La Ngọc Th (đã chết); Có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 24/9/2019, tạm giữ đến ngày 03/10/2019 chuyển tạm giam, ngày 22/10/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú (*Có mặt tại phiên tòa*).

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh La Văn M, sinh năm: 1998; Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh (*Có mặt tại phiên tòa*).

+ Anh Lại Văn H, sinh năm: 1998; Nơi cư trú: Thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Ninh (*Có mặt tại phiên tòa*).

+ Anh Chìu A C, sinh năm: 1996; Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh (*Có mặt tại phiên tòa*).

+ Chị Trần Thị Th, sinh năm: 1982; Nơi cư trú: Khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh (*Có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Thanh C, Trần Văn M, La A S, Ninh A L, Phan Thị L, Vi Thị L mở quán bán nước giải khát, hàng tạp hóa ở địa bàn các xã Đ, H và thị trấn B, huyện B. Nhận thấy khách đến uống nước, mua hàng có nhu cầu đánh bạc dưới hình thức mua các số lô, số đề nên C, M, S, L, L, L nảy sinh ý định bán các số lô, số đề cho người chơi sau đó tìm người bán lại các số lô, số đề để hưởng hoa hồng.

Khoảng đầu năm 2019, đối tượng tên là S (chưa rõ lai lịch, địa chỉ) đặt vấn đề với Nông Văn N về việc nếu biết ai bán số lô, đề mà chưa có người chuyển bảng số lô, số đề thì chuyển cho S để nhận hoa hồng, N đồng ý. Do biết N có thể chuyển được bảng số lô, số đề nên lần lượt L, M, S, L, L, C thỏa thuận và nhờ N chuyển bảng số lô, số đề. Trước 18 giờ hằng ngày L, M, S, L, L, C bán các số lô, đề, số ba càng, số xiên cho người chơi. Sau đó, M sử dụng tài khoản Zalo “Tranminh”, đăng ký số thuê bao 0334. 896.778; S sử dụng tài khoản Zalo “Anh San” đăng ký số thuê bao +841685.297.385; L sử dụng tài khoản Zalo “Ninh A Lò”, đăng ký số thuê bao 0987.255.803; L sử dụng tài khoản Zalo “Luong Phan”, đăng kí số thuê bao 0364.045.977; C sử dụng tài khoản Zalo “Lương Cao”, đăng kí số thuê bao 0367.307.892; L sử dụng số điện thoại 0342.117.916 nhắn các số lô, số đề... đã bán cho người chơi sang tin

nhắn điện thoại và Zalo của N tên “Ky Hoi”, đăng ký số thuê bao +84914.871.116 hoặc chuyển trực tiếp cho N. N tập hợp những số lô, đề đã nhận rồi tiếp tục chuyển cho S.

Theo đó, số lô, số đề bao gồm hai chữ số; “ba càng” gồm ba chữ số; số xiên hai, xiên ba, xiên bốn tương ứng là bộ hai số, ba số, bốn số lô. Người chơi đặt tiền cược trực tiếp vào số lô, đề, xiên, số “ba càng” mình chọn, riêng số lô sẽ đặt cược theo điểm, tương ứng 23.000 đồng/01 điểm (hai mươi ba nghìn đồng trên một điểm lô). So sánh với kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày để tính thắng thua, nếu số đề trùng với hai số cuối, số ba càng trùng với ba số cuối của giải đặc biệt; số lô, các số trong bộ số xiên trùng với hai số cuối của tất cả các giải thì người chơi thắng cược. Nếu số lô trùng từ hai lần trở lên thì số tiền thắng cược được nhân tương ứng với số lần trùng. Từ đó sẽ trả cho người chơi số tiền tương ứng với 70 (bảy mươi) lần số tiền cược đề, 400 (bốn trăm) lần số tiền cược ba càng; 10 (mười), 40 (bốn mươi), 100 (một trăm) lần tương ứng với số tiền cược xiên hai, xiên ba, xiên bốn và 80.000 đồng/01 điểm lô (tám mươi nghìn đồng trên một điểm lô). N được hưởng 0,5% tổng số tiền người chơi cược số đề, xiên, ba càng, 100 đồng/01 điểm lô (một trăm đồng trên một điểm lô). L, M, S, L, L, C được hưởng 27% tổng số tiền người chơi cược số đề, xiên, ba càng và 1.000 đồng/01 điểm lô (một nghìn đồng trên một điểm lô), tuy nhiên các bị cáo chỉ giữ lại từ 10% đến 17% tổng số tiền cược số đề, xiên, ba càng, số tiền còn lại thưởng lại cho người chơi.

Ngày 24/9/2019, S đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Liêu tự thú việc ghi số lô, số đề để chuyển cho N. Cơ quan điều tra tiến hành bắt, giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với N, C, M, L, L và L, quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận việc ghi số lô, số đề cụ thể như sau:

Ngày 30/7/2019, M nhắn các số lô, đề cho N để đánh bạc gồm: Số đề 33, 20, 86, 53 mỗi số 10.000 đồng; số 08, 80 mỗi số 20.000 đồng; bộ số đề đầu 9 (gồm các số từ 90 đến 99): 100.000 đồng; Số 31, 86, 40 mỗi số 5.000 đồng, số 21, 11 mỗi số 40.000 đồng, số 88x50.000 đồng, 07x4.000 đồng; Số ba càng 271, 531, 586, 553 mỗi số 10.000 đồng, số 728, 381 mỗi số 5.000 đồng; Số xiên hai 87-83x40.000 đồng; số lô 00, 98, 89 mỗi số 10 điểm; số 81x30 điểm, số 21x40 điểm. So sánh với kết quả xổ số ngày 30/7/2019 trúng số lô 81: 30 điểm x 80.000 đồng = 2.400.000 đồng; số lô 21: 40 điểm x 80.000 đồng = 3.200.000 đồng; Tổng số tiền đánh bạc là 8.319.000 đồng.

Ngày 31/7/2019, M tiếp tục nhắn các số lô, đề cho N để đánh bạc gồm: Số lô 81x75 điểm; 34x15 điểm, số ba càng 805, 071 mỗi số 10.000 đồng, số 870, 850 mỗi số 5.000 đồng. So sánh với kết quả xổ số ngày 31/7/2019 trúng số lô 81: 75 điểm x 80.000 đồng = 6.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 8.100.000 đồng.

Ngày 17/8/2019 S nhắn các số lô, đề cho N để đánh bạc gồm: Số đề 44, 49, 71, 86, 96, 98 mỗi số 10.000 đồng; số 41, 43, 44 mỗi số 50.000 đồng; số 38, 83, 58, 85, 68, 86, 88 mỗi số 20.000 đồng; bộ số đề đầu chập (gồm các số 00, 11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99): 160.000 đồng; Số ba càng 544, 844, 842, 248 mỗi số 10.000 đồng, số 937x20.000 đồng; 253x13.000 đồng, 598x30.000

đồng; Số xiên hai: 49-71x50.000 đồng; Số xiên ba: 37-46-07, 86-96-33 mỗi bộ số 20.000 đồng; Số lô 13, 41, 43, 44, 86 mỗi số 10 điểm, số 31x5 điểm, 57x20 điểm. So sánh với kết quả xổ số ngày 17/8/2019 trúng số đề 98: 10.000 đồng x 70 lần = 700.000 đồng; số 3 càng 598:30.000 đồng x 400 lần = 12.000.000 đồng; số lô 43, 44 mỗi số 10 điểm x 80.000 đồng x 2 số = 1.600.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 16.728.000 đồng.

Ngày 02/9/2019 L nhả các số lô, đề cho N để đánh bạc gồm: Số đề 86, 76, 20, 68, 29, 70, 71, 83, 84, 85 mỗi số 10.000 đồng; số 80, 38 mỗi số 20.000 đồng; số ba càng: 486, 476, 420 mỗi số 10.000 đồng; số 480x13.000 đồng, 468x30.000 đồng, 438x20.000 đồng; bộ số xiên ba: 98-76-20x50.000 đồng, xiên bốn: 46-28-20-80x10.000 đồng; số lô 71, 85, 96, 79, 97, 20 mỗi số 10 điểm; số 76, 89 mỗi số 5 điểm; số 45, 46 mỗi số 100 điểm. So sánh với kết quả xổ số ngày 02/9/2019 trúng số lô 46: 100 điểm x 80.000 đồng = 8.000.000 đồng, số lô 85:10 điểm x 80.000 đồng = 800.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 15.300.000 đồng.

Ngày 08/9/2019, L nhả các số lô, số đề cho N để đánh bạc gồm: Số đề 71, 04, 61 mỗi số 20.000 đồng, số 76x40.000 đồng, 22x15.000 đồng; số ba càng 904x40.000 đồng, số 922x15.000 đồng; số xiên ba: 11-00-16x100.000 đồng, số 00-11-22x50.000 đồng; số xiên bốn: 04-37-11-00x50.000 đồng; số lô 82, 97, 11, 00, 16, mỗi số 15 điểm, số 22x10 điểm. So sánh với kết quả xổ số ngày 08/9/2019 trúng số lô 22: 10 điểm x 80.000 đồng = 800.000 đồng; số lô 82, 00 mỗi số 15 điểm, số 97: 15 điểm ở hai giải: 15 điểm x 80.000 đồng x 4 số = 4.800.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 7.925.000 đồng.

Ngày 15/9/2019, L nhả các số lô, đề cho N để đánh bạc gồm: Số đề 13, 31, 63, 16, 61, 38, 71, 75, 78, 76, 98, 03, 09, 90 mỗi số 5.000 đồng, số 35, 53 mỗi số 10.000 đồng, 78, 87 mỗi số 20.000 đồng, số 66x17.000 đồng, 30x115.000 đồng, bộ số đề đầu 0 (gồm các số từ 00 đến 09): 1.000.000 đồng; bộ số đề đuôi 0 (gồm các số 00, 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90): 1.000.000 đồng; bộ số đề đầu chập (gồm các số 00, 11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99): 100.000 đồng; Số ba càng 713, 231, 716, 761, 238, 783, 271, 475, 297, 247, 290, 209, 387 mỗi số 5.000 đồng, số 430, 729, 230, 378 mỗi số 10.000 đồng, số 556x50.000 đồng, Số xiên ba: 64-69-43x30.000 đồng; Số lô 86 x 20 điểm. So sánh với kết quả xổ số ngày 15/9/2019 trúng số đề 03: 5.000 đồng x 70 lần = 350.000 đồng; số đề 03 trong bộ số đề đầu 0: 100.000 đồng x 70 lần = 7.000.000 đồng. Tổng số tiền L đánh bạc với N là 10.357.000 đồng. Cùng ngày, C cũng nhả số lô 01 x 100 điểm = 2.300.000 đồng để đánh bạc với N nhưng không trúng. Tổng số tiền N đánh bạc ngày 15/9/2019 là 12.657.000 đồng.

Ngày 20/9/2019, C nhả số lô 01, 14 mỗi số 100 điểm, số ba càng 214,314 mỗi số 100.000 đồng cho N để đánh bạc, và trúng số lô 01 ở hai giải: 100 điểm x 80.000 đồng x 2 lần = 16.000.000 đồng. Tổng số tiền N đánh bạc với C là 20.800.000 đồng. L cũng nhả các số đề 44, 64, 72, 73, 54, 82, 31, 89 mỗi số 10.000 đồng; số 46, 03, 83, 08, 30 mỗi số 20.000 đồng, số 45x50.000 đồng; Số ba càng: 846, 282, 264, 272, 273, 254, 244, 288, 277, 246, 171, 245, 250 mỗi số 10.000 đồng, số 450, 145 mỗi số 20.000 đồng; Số lô 77, 44 mỗi số

10 điểm, số 46, 64 mỗi số 05 điểm, số 97x30 điểm; số 64x15 điểm; Số xiên bốn: 50-73-64-44x20.000 đồng cho N để đánh bạc, so với kết quả số xổ trúng các số lô 46: 05 điểm x 80.000 đồng = 400.000 đồng; số lô 44 ở hai giải: 10 điểm x 80.000 đồng x 2 lần = 1.600.000 đồng. Tổng số tiền L đánh bạc với N là 4.145.000 đồng. Tổng số tiền N đánh bạc ngày 20/9/2019 là 24.945.000 đồng.

Ngày 22/9/2019, C nhả các số lô 02x100 điểm, số 90x50 điểm cho N để đánh bạc và trúng số lô 02: 100 điểm x 80.000 đồng = 8.000.000 đồng, Tổng số tiền đánh bạc là 11.450.000 đồng.

Quá trình điều tra Nông Văn N, Lương Thanh C, Trần Văn M, La A S, Ninh A L, Phan Thị L, Vi Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Riêng đối với Nông Văn N xác định được N có thu nhập chính để sinh sống từ việc quản lý sân bóng nhân tạo. Các bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lời bất chính để khắc phục hậu quả, gồm của N 5.000.000 đồng, C 1.200.000 đồng, M 2.000.000 đồng; S 2.000.000 đồng; L 5.000.000 đồng, L 1.500.000 đồng, L 5.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ của La A S 01 điện thoại Iphone 6 thường màu xám; của Nông Văn N 01 điện thoại Iphone 11 có mặt lưng bằng kính màu xám, 01 điện thoại Oppo F7 màu đỏ; của Lương Thanh C 01 điện thoại Oppo A3S màu đen; của Vi Thị L 01 điện thoại Nokia, model: 1661-2 màu đen; của Trần Văn M 01 điện thoại Oppo Neo7 màu đen; của Phan Thị L 01 điện thoại Oppo model: 1201 màu xanh-đen; của Ninh A L 01 điện thoại Samsung Galaxy A8, 01 điện thoại Nokia, model: TA-1010 màu đen. Tất cả những vật chứng này, Viện kiểm sát yêu cầu Cơ quan điều tra chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự để bảo quản theo quy định.

Đối với toàn bộ số tiền thắng bạc của những người đã mua số lô, số đề của Lương Thanh C, Trần Văn M, La A S, Ninh A L, Phan Thị L, Vi Thị L, các bị cáo khai đều đã chuyển cho những người mua nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại Bản cáo trạng số: 03/CT-VKS-BL ngày 04/3/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố Nông Văn N, Lương Thanh C, Trần Văn M, La A S, Ninh A L, Phan Thị L và Vi Thị L về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đưa ra các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên nội dung truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nông Văn N, Lương Thanh C, Trần Văn M, La A S, Ninh A L, Phan Thị L, Vi Thị L phạm tội: “Đánh bạc”; Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nông Văn N từ 15 tháng đến 18 tháng, bị cáo Lương Thanh C từ 12 tháng đến 15 tháng, bị cáo Trần Văn M từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Giao các bị cáo Nông Văn N cho UBND thị trấn B, bị cáo Lương Thanh C cho UBND xã Đ, bị cáo Trần Văn M cho UBND xã H nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND các xã, thị trấn giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian các bị cáo chấp hành hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo La A S từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Ninh A L số tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng, bị cáo Phan Thị L số tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, bị cáo Vi Thị L số tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội với mục đích thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền; Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự phạt bị cáo Nông Văn N từ 15.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng, bị cáo Lương Thanh C từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, bị cáo Trần Văn M từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Đối với bị cáo L, L, L, S đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Iphone 6 thường màu xám; 01 điện thoại Oppo F7 màu đỏ; 01 điện thoại Oppo A3S màu đen; 01 điện thoại Nokia, model: 1661-2 màu đen; 01 điện thoại Oppo Neo 7 màu đen; 01 điện thoại Oppo model: 1201 màu xanh-đen; 01 điện thoại Samsung Galaxy A8, số tiền 21.700.000 đồng thu lời bất chính. Trả lại cho bị cáo Nông Văn N 01 điện thoại Iphone 11 có mặt lưng bằng kính màu xám; bị cáo Ninh A L 01 điện thoại Nokia, model: TA-1010 màu đen.

Đối với toàn bộ số tiền thắng bạc của những người đã mua số lô, số đề của Lương Thanh C, Trần Văn M, La A S, Ninh A L, Phan Thị L, Vi Thị L, các bị cáo khai đều đã chuyển cho những người mua nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với toàn bộ số tiền Nông Văn N nhận của Lương Thanh C, Trần Văn M, La A S, Ninh A L, Phan Thị L, Vi Thị L, bị cáo Nam khai sau khi nhận đã chuyển cho đối tượng S và các đối tượng nhận bằng lô, đề cho S, do N không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Trần Thị Ch hiện vắng mặt tại địa phương, gia đình không rõ đi đâu, làm gì, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Tại phiên tòa các bị cáo Nông Văn N, Lương Thanh C, Trần Văn M, La A S, Ninh A L, Phan Thị L và Vi Thị L đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố cơ bản đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình tiến hành tố tụng không ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Chứng cứ, tài liệu do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập đều hợp pháp và đảm bảo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, các hành vi tố tụng được đảm bảo hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Nông Văn N, Lương Thanh C, Trần Văn M, La A S, Ninh A L, Phan Thị L và Vi Thị L đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa cơ bản như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và phù hợp với: Biên bản kiểm tra (BL: 306 -307, 357 -359); Biên bản mở niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (BL: 308, 354 - 356, 408 - 410, 456 - 458, 504 - 506, 553 - 555); Biên bản kiểm tra điện thoại của bị cáo S và bị cáo N, trích xuất dữ liệu điện tử thể hiện nội dung tin nhắn đi, tin nhắn đến liên quan đến việc đánh bạc và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 30/7/2019 đến 22/9/2019 trên địa bàn huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh, Lương Thanh C, Trần Văn M, La A S, Ninh A L, Phan Thị L, Vi Thị L có hành vi đánh bạc dưới hình thức nhận đặt cược các số lô, số đề, ba càng, số xiên được thua bằng tiền của những người tham gia đánh bạc (không rõ lai lịch, địa chỉ), sau đó chuyển cho Nông Văn N để nhờ N chuyển các số lô, số đề cho S (không rõ lai lịch, địa chỉ) để hưởng hoa hồng thì bị phát hiện bắt giữ. Trong đó:

Ngày 30, 31/7/2019 Nông Văn N và Trần Văn M đánh bạc với số tiền lần lượt là 8.319.000 đồng và 8.100.000 đồng.

Ngày 17/8/2019 Nông Văn N và La A S đánh bạc với số tiền là 16.728.000 đồng.

Ngày 02/9/2019 Nông Văn N và Ninh A L đánh bạc với tổng số tiền là 15.300.000 đồng.

Ngày 08/9/2019 Nông Văn N và Vi Thị L đánh bạc với tổng số tiền là 7.925.000 đồng.

Ngày 15/9/2019 Nông Văn N và Phan Thị L đánh bạc với tổng số tiền 10.357.000 đồng, Nông Văn N và Lương Thanh C đánh bạc với tổng số tiền 2.300.000 đồng. Tổng số tiền N đánh bạc ngày 15/9/2019 là 12.657.000 đồng.

Ngày 20/9/2019, Nông Văn N và Lương Thanh C đánh bạc với tổng số tiền 20.800.000 đồng; Nông Văn N đánh bạc với Ninh A L với tổng số tiền 4.145.000 đồng. Tổng số tiền N đánh bạc ngày 20/9/2019 là 24.945.000 đồng.

Ngày 22/9/2019 Nông Văn N và Lương Thanh C đánh bạc với tổng số tiền 11.450.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội: Đây là vụ án thuộc loại tội ít nghiêm trọng, hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề của các bị cáo là coi thường pháp luật, xâm phạm trật tự xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Trong giai đoạn hiện nay các tệ nạn xã hội đang có chiều hướng gia tăng và diễn biến ngày càng phức tạp, trong đó có tệ nạn đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề đang lan tràn vào từng thôn xóm, gây ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống của một bộ phận nhân dân. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý tương xứng với hành vi của từng bị cáo theo quy định của pháp luật mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn, vai trò của từng bị cáo như sau:

Bị cáo Nông Văn N là người nhận chuyển các bảng lô, đề cho các bị cáo khác, trực tiếp đi thu tiền cược, số lô, đề và trả tiền hoa hồng, nên bị cáo N giữ vai trò chính trong vụ án và phải chịu trách nhiệm C hơn so với các bị cáo khác. Tiếp đến là bị cáo Lương Thanh C, Trần Văn M tham gia đánh bạc nhiều lần, còn các bị cáo La A S, Ninh A L, Phan Thị L Vi Thị L xếp vai trò sau cùng trong vụ án, các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Trong một thời gian ngắn bị cáo Nông Văn N, Lương Thanh C, Trần Văn M nhiều lần tham gia đánh bạc nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lời bất chính để khắc phục hậu quả; Bị cáo N quá trình sinh sống tại địa phương đã tích cực tham gia hoạt động trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi, được Ban chấp hành Đoàn THCS HCM huyện Bình Liêu tặng giấy khen; Bị cáo N, C, L có bố là người có công với cách mạng được Đảng và nhà nước tặng Huân, Huy chương; bố bị cáo C còn là thương binh hạng 4/4 nên các bị cáo N, C, L đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Ninh A L, Phan Thị L, Vi Thị L, La A S được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Bị cáo S sau khi phạm tội đã ra tự thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cần được áp dụng để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật cũng như xem xét về nhân thân điều kiện hoàn cảnh gia đình của bị cáo, động cơ mục đích phạm tội: Xét thấy các bị cáo N, C, M có nơi cư trú rõ ràng nên chỉ cần buộc các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục và phòng ngừa chung đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Trong thời gian chấp hành án bị cáo N, C, M phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ và khấu trừ một

phần thu nhập để sung ngân sách nhà nước. Xét thấy các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình phải nuôi dưỡng, chăm sóc mẹ già thường xuyên đau ốm, vợ không có công ăn việc làm ổn định và nuôi con nhỏ nên miễn khấu trừ một phần thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách nhà nước cho bị cáo N, C, M.

Các bị cáo L, L, L, S được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính để sung ngân sách nhà nước, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật và giáo dục cho bản thân mình.

[5] Trong vụ án này N còn nhận chuyển bằng số lô, đề cho Chiu A C, La Văn M, Lại Văn H, Trần Thị Th, Trần Thị Ch, tuy nhiên không xác định được số tiền đánh bạc cụ thể nên không có căn cứ để xử lý hình sự, Công an huyện Bình Liêu đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với C, La M, H và Th; Riêng đối với Trần Thị Ch hiện vắng mặt tại địa phương, gia đình không rõ đi đâu, làm gì, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau. Nên không đề cập xử lý.

Đối với những người mua số lô, số đề của C, M, S, L, L, L quá trình điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với đối tượng S là người bị cáo N đã chuyển số lô, số đề để thu lời bất chính, quá trình điều tra chưa xác định được lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Bình Liêu tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại Iphone 6 thường màu xám của La A S, 01 điện thoại Oppo F7 màu đỏ thu giữ của Nông Văn N; 01 điện thoại Oppo A3S màu đen thu của Lương Thanh C; 01 điện thoại Nokia, model: 1661-2 màu đen thu của Vi Thị L; 01 điện thoại Oppo Neo 7 màu đen thu của Trần Văn M; 01 điện thoại Oppo model: 1201 màu xanh-đen thu của Phan Thị L; 01 điện thoại Samsung Galaxy A8 thu giữ của Ninh A L. Đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 có mặt lưng bằng kính màu xám của Nông Văn N; 01 điện thoại Nokia, model: TA-1010 màu đen của Ninh A L không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Nông Văn N, Ninh A L nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt cải tạo không giam giữ bị cáo N còn bị phạt tiền 18.000.000 đồng; bị cáo C, M mỗi bị cáo bị phạt 15.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Đối với bị cáo L, L, L, S đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[8] Về biện pháp tư pháp: Số tiền các bị cáo thu lời bất chính cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Cụ thể truy thu từ N số tiền 5.000.000 đồng, C: 1.200.000 đồng, M: 2.000.000 đồng; S 2.000.000 đồng; L: 5.000.000 đồng, L: 1.500.000 đồng, L: 5.000.000 đồng mà các bị cáo đã tạm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Nông Văn N, Lương Thanh C, Trần Văn M, La A S, Ninh A L, Phan Thị L, Vi Thị L phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào: Khoản 1, 3 Điều 321, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, 2 Điều 36; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nông Văn N 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/9/2019 đến ngày 22/10/2019. Thời hạn được tính từ ngày bị cáo và Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh nhận được bản án và quyết định thi hành án.

* Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nông Văn N 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Lương Thanh C 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/9/2019 đến ngày 22/10/2019. Thời hạn được tính từ ngày bị cáo và Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh nhận được bản án và quyết định thi hành án.

* Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Lương Thanh C 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn M 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/9/2019 đến ngày 22/10/2019. Thời hạn được tính từ ngày bị cáo và Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh nhận được bản án và quyết định thi hành án.

* Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Trần Văn M 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Nông Văn N cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục; Bị cáo Lương Thanh C cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục; Bị cáo Trần Văn M cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân thị trấn B, Ủy ban nhân dân xã Đ, Ủy ban nhân dân xã H trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 3 Điều 35; Điều 17, Điều 58 (đối với S áp dụng thêm điểm r, khoản 1 Điều 51) của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Ninh A L 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị L 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Vi Thị L 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo La A S 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào: Điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 135; khoản 2, Điều 136; điểm d khoản 1 Điều 125; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tịch thu, phát mại sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Iphone 6 thường màu xám của La A S, 01 điện thoại Oppo F7 màu đỏ thu giữ của Nông Văn Nam; 01 điện thoại Oppo A3S màu đen thu của Lương Thanh C; 01 điện thoại Nokia, model: 1661-2 màu đen thu của Vi Thị L; 01 điện thoại Oppo Neo 7 màu đen thu của Trần Văn M; 01 điện thoại Oppo model: 1201 màu xanh-đen thu của Phan Thị L; 01 điện thoại Samsung Galaxy A8 thu giữ của Ninh A L.

Trả lại 01 điện thoại di động Iphone 11 có mặt lưng bằng kính màu xám cho bị cáo Nông Văn N; 01 điện thoại Nokia, model: TA-1010 màu đen cho bị cáo Ninh A L đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

(tình trạng các vật chứng nêu trên như biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/3/2020 giữa Công an huyện Bình Liêu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Liêu).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000 đồng của bị cáo Nông Văn N, 2.000.000 đồng của bị cáo Trần Văn M, 2.000.000 đồng của bị cáo La A S, 1.200.000 đồng của bị cáo Lương Thanh C, 5.000.000 đồng của bị cáo Ninh A L, 1.500.000 đồng của bị cáo Vi Thị L, 5.000.000 đồng của bị cáo Phan Thị L theo biên lai thu tiền số: 0007338 đến 0007341 ngày 02/3/2020 và biên lai thu tiền số: 0007342 đến 0007344 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Liêu. Các bị cáo đã nộp đủ số tiền trên.

Buộc bị cáo Nông Văn N, Lương Thanh C, Trần Văn M, La A S, Ninh A L, Phan Thị L, Vi Thị L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan điều tra CA huyện Bình Liêu;
- Cơ quan THAHS huyện Bình Liêu;
- Chi cục THADS huyện Bình Liêu;
- VKSND huyện Bình Liêu;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Anh Đức

- *Lưu HS, VP, TA Bình Liêu.*